

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG VỀ CÁCH MẠNG DÂN TỘC DÂN CHỦ NHÂN DÂN (1930-1975)

TS LƯƠNG VIỆT SANG

Phó Viện trưởng Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Ngày nhận:

10-1-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

24-1-2025

Ngày duyệt đăng:

10-2-2025

Tóm tắt: Tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trước hết dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, căn cứ vào tình hình cụ thể trong nước và quốc tế, Đảng đề ra đường lối cách mạng phù hợp nhằm mang lại độc lập cho đất nước và ruộng đất cho nông dân. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, dù cách gọi khác nhau: "cách mạng tư sản dân quyền kiểu mới", "cách mạng dân chủ mới", "cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân", nhưng thực tế không làm thay đổi nội dung nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam thời kỳ 1930-1975.

Từ khóa:

Tư duy lý luận; Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng dân tộc dân chủ

C. Mác và Ph. Ăng ghen là những người ủng hộ nhiệt thành đối với cách mạng dân tộc và có những chỉ dẫn về mối liên hệ giữa cách mạng dân tộc và cách mạng vô sản; giữa nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ dân chủ của cách mạng.

Khi bàn về Ba Lan, vào tháng 12-1847, C. Mác cho rằng thắng lợi của những người vô sản Anh đối với giai cấp tư sản Anh có ý nghĩa quyết định cho sự thắng lợi của tất cả những người bị áp bức đối với những kẻ áp bức họ. Do đó, giải phóng Ba Lan không phải ở Ba Lan mà là ở Anh. Ph. Ăng ghen bổ sung, rằng việc giải phóng nước Đức không thể

thực hiện được nếu không giải phóng Ba Lan khỏi ách áp bức của người Đức¹. Như vậy, cách mạng giải phóng dân tộc không chỉ đơn thuần phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở một nước công nghiệp phát triển, mà ở chiều ngược lại, cách mạng giải phóng dân tộc cũng có tác động quan trọng đến cách mạng vô sản ở chính quốc.

Cùng thời điểm trên, khi so sánh cuộc khởi nghĩa Cracóp (Kraków) năm 1846 với cuộc khởi nghĩa Vácsava (Warsaw) năm 1830, Ph. Ăng ghen cho rằng khởi nghĩa Cracóp là một cuộc cách mạng vì nó không có khuynh hướng khôi phục nước Ba Lan cũ, không giữ lại những thiết chế của Ba Lan cổ xưa mà các chính phủ nước ngoài còn để lại nguyên

ven². Như vậy, cách mạng dân tộc không chỉ đơn thuần là giải phóng dân tộc khỏi ách nô dịch ngoại bang, mà nó còn phải làm nhiệm vụ cách mạng dân chủ là phá bỏ các thiết chế phong kiến lạc hậu đã trở nên phản động.

Tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848) là phải xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Như vậy, cách mạng giải phóng dân tộc phải là kết quả của cách mạng vô sản.

Ở nước Nga vào năm 1905, V.I. Lênin cho rằng đảng của giai cấp vô sản có thể và phải là lãnh đạo cuộc cách mạng tư sản Nga trong hoàn cảnh mới. Ông cũng cho rằng sự phát triển của CNTB là có lợi cho giai cấp vô sản và tư tưởng muốn tìm lối thoát cho giai cấp công nhân ở bất kỳ một chỗ nào khác chứ không phải trong sự phát triển hơn nữa của chủ nghĩa tư bản, là tư tưởng phản động³.

Trong *Sơ thảo lần thứ nhất Những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* (để trình bày tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản, năm 1920), V.I. Lênin chỉ rõ nhiệm vụ của Quốc tế Cộng sản không chỉ là phải làm cho người lao động các nước gần gũi nhau để tiến hành đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản, mà còn phải thực hiện chính sách liên minh chặt chẽ nhất của tất cả các phong trào giải phóng dân tộc và thuộc địa với nước Nga Xô viết. Tất cả các đảng cộng sản phải trực tiếp ủng hộ phong trào giải phóng dân chủ tư sản ở các nước thuộc địa. Tại Đại hội II của Quốc tế Cộng sản năm 1920, V.I. Lênin cho rằng khi gặp điều kiện thuận lợi, dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản ở các nước thuộc địa, thì có thể thiết lập chính quyền nhân dân, tổ chức các Xô viết. Tiếp đó, dưới sự giúp đỡ của giai cấp vô sản đã chiến thắng ở các nước tiên tiến, các nước thuộc địa này có thể qua những giai đoạn phát triển để tiến tới chủ nghĩa cộng sản mà không phải qua giai đoạn phát triển TBCN.

2. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu ngay từ khi mới ra đời (1930-1935)

Vào giữa năm 1920, sau khi đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất Những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* nói trên, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc quyết định “tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”.

Hội nghị thành lập Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc triệu tập, họp vào những ngày đầu năm 1930. Hội nghị đã thảo luận và thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng* và *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*, do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo.

Chánh cương vắn tắt của Đảng đánh giá khái quát vị trí kinh tế của tư bản bản xứ, tư bản Pháp, nông dân và đại địa chủ; nhận định tư bản bản xứ không có thể lực gì, nông dân thất nghiệp nhiều, chỉ có đại địa chủ mới có thể lực và đứng hẳn về phe đế quốc. Từ nhận định này, Chánh cương xác định con đường giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam là “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”⁴. Năm bắt được mong mỏi lớn nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam bấy giờ là độc lập dân tộc, nhiệm vụ dân tộc (đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp) được nêu trước nhiệm vụ dân chủ (đánh đổ phong kiến). Về nhiệm vụ dân chủ, Sách lược vắn tắt nêu rõ Đảng phải thu phục đại bộ phận nông dân nghèo, dựa vào họ để làm cách mạng ruộng đất, “đánh trức bọn đại địa chủ phong kiến”; làm cho các đoàn thể công nhân và nông dân (công hội, hợp tác xã) khởi ở dưới quyền lực của tư sản dân tộc. Về tập hợp lực lượng (liên minh giai cấp), Đảng “phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản c.m thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ

phận nào đã ra mặt phản c.m (Đảng lập hiến,...) thì phải đánh đổ”⁵. Nhận thức về một mặt trận đoàn kết giải phóng dân tộc đã xuất hiện trong các văn kiện đầu tiên của Đảng.

Tháng 10-1930, Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng họp tại Hồng Công (Trung Quốc) thông qua *Luận cương chính trị* do Trần Phú chuẩn bị. Luận cương chính trị xác định: “Trong lúc đầu, cuộc cách mạng Đông Dương sẽ là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền”, là cuộc cách mạng “có tánh chất thổ địa và phản đế” và là “thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng”⁶. Luận cương chính trị tháng 10-1930 thể hiện đúng với tư tưởng của V.I. Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Chịu ảnh hưởng của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, Hội nghị đánh giá nhiều về mặt tiêu cực của tư sản dân tộc, địa chủ, tiểu tư sản, mà chưa thấy hết yêu cầu cấp bách hàng đầu của toàn thể dân tộc Việt Nam là phải đoàn kết mọi tầng lớp, giai cấp với mục tiêu hàng đầu là chống đế quốc, giành độc lập cho cho đất nước.

Đại hội I của Đảng, tháng 3-1935, được tổ chức tại Ma Cao (Trung Quốc) trong bối cảnh Đảng vừa khôi phục được hệ thống tổ chức sau thời kỳ bị khủng bố. Trước sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít trên thế giới, nguy cơ chiến tranh từ các nước đế quốc; những thành tựu to lớn của Liên Xô trong công cuộc xây dựng CNXH, Đại hội tiếp tục khẳng định nhiệm vụ chiến lược lãnh đạo quần chúng đấu tranh bành vực quyền lợi hàng ngày của họ và thực hiện nhiệm vụ của cách mạng phản đế và điền địa Đông Dương, và vì thế “cách mạng Đông Dương vẫn là cách mạng tư sản dân quyền”⁷. Tuy nhiên, Đại hội cho rằng “người ta không thể làm cách mạng phản đế sau đó mới làm cách mạng điền địa” và “Cách mạng sẽ chỉ thắng lợi với điều kiện hai cuộc cách mạng ấy gắn bó chặt chẽ với nhau và cùng đi với nhau”⁸.

3. Tạm dừng các khẩu hiệu “đánh đổ đế quốc Pháp” và “Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày” (1936-1939)

Tháng 8-1935, trước nguy cơ của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới, Đại hội VII Quốc tế Cộng sản chủ trương tập hợp các lực lượng dân chủ hòa bình trên thế giới chống chế độ phản động, chống chủ nghĩa phát xít. Nhiều nước thành lập mặt trận dân chủ rộng rãi. Đại hội cho rằng lúc này “sự lựa chọn bây giờ không phải là giữa chuyên chính vô sản và nền dân chủ tư sản, mà là giữa nền dân chủ tư sản và chủ nghĩa phát xít”⁹.

Ở Pháp, Mặt trận Bình dân Pháp giành thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc hội tháng 5-1936 và đứng ra thành lập Chính phủ vào tháng 6-1936.

Trước tình hình trên, HNTU Đảng họp tháng 7-1936 quyết định tạm dừng khẩu hiệu đánh đổ đế quốc Pháp (nhiệm vụ giải phóng dân tộc) và tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày (nhiệm vụ dân chủ), *chỉ nêu khẩu hiệu chống đế quốc phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh đế quốc, đòi dân sinh, dân chủ và hòa bình*. Hội nghị chủ trương lập Mặt trận nhân dân rộng rãi để thu hút các giai cấp, đảng phái, các tôn giáo, các dân tộc trong toàn Đông Dương để cùng nhau đấu tranh đòi các quyền tự do lập hội, tự do tổ chức, tự do ngôn luận, ngày làm 8 giờ,... Học tập kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Pháp là không nói gì đến lật đổ giai cấp hữu sản, Đảng cho rằng “nếu chúng ta chỉ hoàn toàn đứng trên quan điểm giai cấp để kích động và phát triển cuộc đấu tranh thì chúng ta có nguy cơ ngăn cản phong trào giải phóng dân tộc và gián tiếp ngăn cản phong trào giải phóng quần chúng”¹⁰. Như vậy, mục tiêu của cách mạng dân chủ tư sản không thay đổi.

4. Xác định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trước mắt, hàng đầu (1939-1945)

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới II bắt đầu. HNTU của Đảng, họp tháng 11-1939 tại Bà Điểm

(Hóc Môn, Gia Định), nhận định đây vẫn là cuộc chiến tranh đế quốc nhằm phân chia lại thị trường thế giới. Hội nghị phân tích tình hình thế giới, các yếu tố mới do chiến tranh mang lại tác động đến tình hình Đông Dương và cho rằng Mặt trận Dân chủ thích hợp với hoàn cảnh trước kia, ngày nay không còn thích hợp nữa và chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương để tranh đấu chống chiến tranh đế quốc, đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Cuộc cách mạng vẫn là cách mạng tư sản dân quyền nhưng vấn đề dân tộc trở thành vấn đề khẩn cấp và vẫn phải do Đảng lãnh đạo. Lúc này phải đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng, kể cả vấn đề điền địa, cũng phải nhằm vào mục đích ấy mà giải quyết. Công nông phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc mà bắt tay với tiểu tư sản, tư sản bản xứ, trung, tiểu địa chủ để làm cách mạng tư sản dân quyền. Về vấn đề ruộng đất, lúc này Mặt trận chỉ mới tịch ký ruộng đất của đế quốc thực dân, địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc. Các khẩu hiệu Mặt trận nêu ra đều phải phù hợp với đường lối này. Hội nghị tháng 11-1939 mở ra thời kỳ trực tiếp chuẩn bị lực lượng giành chính quyền.

Tháng 9-1940, quân đội Nhật từ Trung Quốc vượt biên giới vào Việt Nam qua đường Lạng Sơn. Quân Pháp không kháng cự nổi phải tháo chạy. Đảng bộ Bắc Sơn quyết định phát động nhân dân khởi nghĩa. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Đảng bộ Nam Kỳ cũng đang gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa. Tháng 11-1940, HNTU Đảng được tổ chức tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh), tiếp tục khẳng định chủ trương khởi nghĩa vũ trang, thúc đẩy thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế, xác định rõ kẻ thù của dân tộc Việt Nam không chỉ là đế quốc Pháp, mà là đế quốc Pháp và

phát xít Nhật. Hội nghị khẳng định lại cách mạng Đông Dương hiện tại có tính chất phản đế và thổ địa, “gọi là cách mạng tư sản dân quyền” và cho rằng cách mạng phản đế và cách mạng phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước cái làm sau”. Hội nghị thừa nhận “lúc này khẩu hiệu cách mạng phản đế, cách mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết dụng hơn”, nhưng lại cho rằng “nếu không làm được cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công”¹¹. Nhận định của Hội nghị tháng 11-1940 cho thấy sự lưỡng lự trong việc ưu tiên nhiệm vụ giải phóng dân tộc đã đề ra trước đó.

Tháng 5-1941, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương họp tại Khuổi Nậm, làng Pác Bó (Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Hội nghị phân tích toàn diện tình hình thế giới, tình hình Đông Dương, vị trí và thái độ các giai cấp và quyết định “Cần phải thay đổi chiến lược”¹², phải xem nhiệm vụ giải phóng dân tộc, độc lập cho đất nước là nhiệm vụ trước tiên của Đảng và cách mạng Đông Dương. Khác với những nhận định trước, Hội nghị cho rằng “cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”, vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”¹³. Hội nghị chỉ rõ đây không phải giai cấp vô sản Đông Dương bỏ mất nhiệm vụ điền địa, cũng không phải đi lùi lại một bước, mà “chỉ bước một bước ngắn hơn để có sức mà bước một bước dài hơn. Trong giai đoạn hiện tại ai cũng biết rằng: nếu không đánh đuổi được Pháp - Nhật thì vận mạng của dân tộc phải chịu kiếp trâu ngựa muôn đời mà vấn đề ruộng đất cũng không làm sao giải quyết được”¹⁴. Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương được đổi thành Việt Nam Độc lập đồng minh, gọi tắt là Việt Minh,

để hiệu triệu lực lượng ở Việt Nam, đồng thời hết sức giúp đỡ các dân tộc Miên (Campuchia), Lào tổ chức ra Cao Miên độc lập đồng minh và Ai Lao độc lập đồng minh, để sau đó lập ra Đông Dương độc lập đồng minh. Quyết định của Hội nghị tháng 5-1941 đã khắc phục sự lưỡng lự của Hội nghị tháng 11-1940 trong việc xác định nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng.

Sự thay đổi chiến lược, từ làm cách mạng tư sản dân quyền, bao gồm hai nhiệm vụ giải phóng dân tộc và người cày có ruộng, chuyển sang làm cách mạng chỉ giải quyết nhiệm vụ giải phóng dân tộc là một quyết định sáng tạo của Đảng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 khẳng định tính đúng đắn của quyết định này.

5. Cách mạng dân chủ mới và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945-1975)

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời chưa được quốc tế công nhận. Đất nước bị quân đội ngoại bang chiếm đóng. Quân Pháp được sự giúp sức của quân đội Anh đã nổ súng tái chiếm Nam Bộ, quay trở lại xâm lược nước ta, các đảng phái phản động dựa vào ngoại bang chống phá hòng cướp chính quyền. *Chiến thị Kháng chiến kiến quốc* ngày 25-11-1945 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định *cuộc cách mạng Đông Dương vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng* vì nước chưa được hoàn toàn độc lập.

Cuộc chiến tranh chống phát xít và giành tự do dân chủ trong Chiến tranh thế giới II làm xuất hiện một loại hình cách mạng là *cách mạng dân chủ mới*. Ngay sau chiến tranh, với sự giúp đỡ của Liên Xô, các nước dân chủ mới ở Đông Âu ra đời do các đảng cộng sản và công nhân nắm quyền. Tại Hội nghị cán bộ lần thứ V, tháng 8-1948, báo cáo “Chúng ta chiến đấu cho độc lập và dân chủ” của Tổng Bí thư Trường Chinh xác định *cách mạng Đông Dương là*

cách mạng dân chủ mới - là “cách mạng dân chủ tư sản ở trong điều kiện của thế giới hiện thời”. Tổng Bí thư Trường Chinh cho rằng “Trước Cách mạng Tháng Tám, Đảng ta nhận cách mạng Đông Dương là cách mạng giải phóng dân tộc, nhưng tính chất cơ bản của cách mạng Đông Dương vẫn chỉ là tư sản dân chủ và cách mạng giải phóng chỉ là một bước trên chặng đường cách mạng tư sản dân chủ Đông Dương”¹⁵. Trong khi làm nhiệm vụ dân tộc thì nhiệm vụ dân chủ không phải hoàn toàn gác lại. Cách mạng dân chủ mới Đông Dương không thể “chia đứt ra làm hai khúc đứt khoát, rành mạch như thế được”¹⁶. Ngay trong những ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ruộng đất của thực dân và của bọn phản quốc đã bị tịch thu không bồi thường và có thể giao cho nông dân.

Tháng 10-1949, cách mạng Trung Quốc do Đảng Cộng sản lãnh đạo giành thắng lợi, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, sớm công nhận và lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Từ đây, cách mạng Việt Nam có hậu phương quốc tế và chịu ảnh hưởng của phe XHCN.

Tháng 2-1951, Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày tại Đại hội II của Đảng *Luận cương cách mạng Việt Nam* với chủ đề “Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội”. Luận cương xác định từ khi giai cấp công nhân lãnh đạo, cách mạng Việt Nam có tính chất dân chủ tư sản mới, và từ chiến tranh thứ hai trở đi, dưới những điều kiện lịch sử mới của cuộc chiến đấu chống phát xít xâm lược, nó có tính chất cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (DTDCND). Tính chất của cách mạng là dân tộc và dân chủ. Động cơ của cách mạng là nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Mục đích của cách mạng là tiến tới CNXH và quá trình này được chia làm ba giai đoạn: *Giai đoạn thứ nhất* là kháng chiến, đánh đuổi quân xâm lược, phải tập hợp mọi lực lượng dân tộc. *Giai*

đoạn thứ hai, sau khi căn bản giải phóng dân tộc, nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng chuyển sang cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng. *Giai đoạn thứ ba* là xây dựng CNXH với nhiệm vụ trung tâm là thực hiện kỹ nghệ hóa, phát triển kinh tế nhà nước, tập thể hóa nông nghiệp dần dần... xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH. Luận cương cho rằng: “Không có bức vạn lý trường thành nào ngăn cách ba giai đoạn trên đây... Nhiệm vụ trong giai đoạn thứ hai đã phải làm *một phần nào* ngay trong giai đoạn thứ nhất ... Và nhiệm vụ của giai đoạn thứ ba cũng có thể làm *một phần nhỏ* trong giai đoạn thứ nhất hay giai đoạn thứ hai”¹⁷.

Sau Hội nghị Genève về Đông Dương năm 1954, miền Bắc được giải phóng đánh dấu bước thắng lợi quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ cách mạng DTDCND. Với nhận thức không thể ngăn cách các giai đoạn nói trên, cuộc cải cách ruộng đất được bắt đầu từ cuối năm 1953 được tiếp tục đến năm 1956. Trong khi đó, HNTU 6 Khóa II họp từ ngày 15 đến ngày 17-7-1954 nêu khẩu hiệu đấu tranh chính là “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ”.

Cuộc hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước không thể thực hiện theo quy định của Hiệp định Genève do chính quyền Sài Gòn và đế quốc Mỹ cố tình phá hoại. Cố vấn, quân đội và vũ khí Mỹ lần lượt được đưa vào miền Nam Việt Nam. Năm 1959, HNTU 15 của Đảng nhận định cách mạng Việt Nam gồm hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng XHCN ở miền Bắc và cách mạng DTDCND ở miền Nam.

Chiến dịch Hồ Chí Minh mùa Xuân năm 1975 thắng lợi đã chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân đế quốc đối với Việt Nam, cách mạng DTDCND hoàn thành trên cả nước.

Như vậy, cách mạng DTDCND dưới sự lãnh đạo của Đảng mang hai nội dung, nhiệm vụ chính

là đánh đổ ách thống trị thực dân đế quốc, giải phóng dân tộc; đánh đổ chế độ phong kiến, mang lại ruộng đất cho nông dân. Tính linh hoạt trong quá trình lãnh đạo thực hiện cách mạng DTDCND là ở chỗ phải căn cứ vào tình hình và yêu cầu cụ thể để hoạch định đường lối, chính sách. Khi thời cơ đến phải dứt khoát ưu tiên nhiệm vụ dân tộc, nhưng nhìn chung là không cứng nhắc, phân định rạch ròi. Nhận thức về không thể ngăn cách dứt khoát các giai đoạn của quá trình cách mạng đã cho phép Đảng vừa lãnh đạo thực hiện cách mạng dân tộc, vừa thực hiện cách mạng dân chủ; vừa xây dựng CNXH ở miền Bắc, vừa thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam. Mỗi giai đoạn cách mạng có những nhiệm vụ lịch sử cụ thể khác nhau, cộng với yêu cầu thống nhất hành động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, tên gọi của cách mạng cũng khác nhau: “cách mạng tư sản dân quyền kiểu mới”, “cách mạng dân chủ mới”, “cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân”. Các tên gọi này trên thực tế không làm thay đổi nội dung nhiệm vụ của cách mạng DTDCND ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng.

1. C. Mác và Ph. Ăng-ghen Toàn tập, Nxb CTQG, H, 1995, T. 4, tr. 517- 528, 692

3.V.I. Lênin Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2005, T11, tr. 45 4, 5, 6. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2002, T. 2, tr. 2, 2-4, 93

7,11, 12, 13, 14. *Sđđ*, 2000, T. 7, tr. 64, 67, 118, 119 119

8. *Sđđ*, Nxb CTQG, 1999, T. 5, tr. 419

9. *The Communist International 1919-1943 Document, Volum III 1929-1943*, Selected and Edited by Jane Degras, The Royal Institute of International Affairs, November 1964, p. 358

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb CTQG, H, 2000, T. 6, tr. 128-129

15, 16. *Sđđ*, 2001, T. 9, tr. 198, 199

17. *Sđđ*, 2001, T. 12, tr. 89.